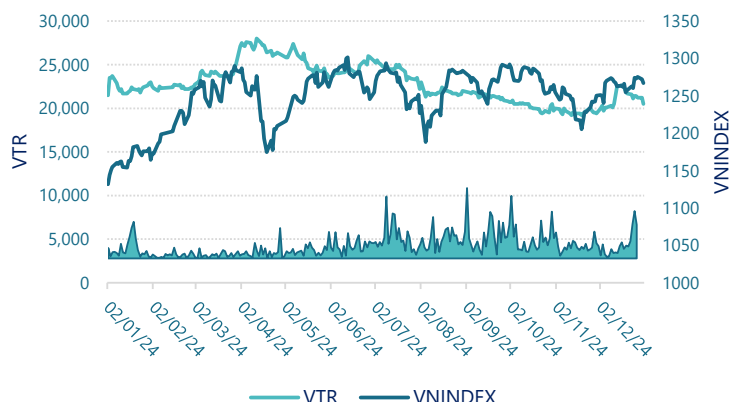


CTCP Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel (UPCOM: VTR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	20,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,200
SL cổ phiếu LH	28,658,247
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,220
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	587
P/E	12.3
EPS	1,667

DT thuần

Q4/24

1,484

tỷ VNĐ

QoQ: ▼546 | -26.9%

YoY: ▲ 116 | 8.5%

LN sau thuế

Q4/24

15.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 7.1%

YoY: ▼8.30 | -34.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.8%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2024

6,743

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 794 | 13.3%

LN sau thuế

2024

47.0

tỷ VNĐ

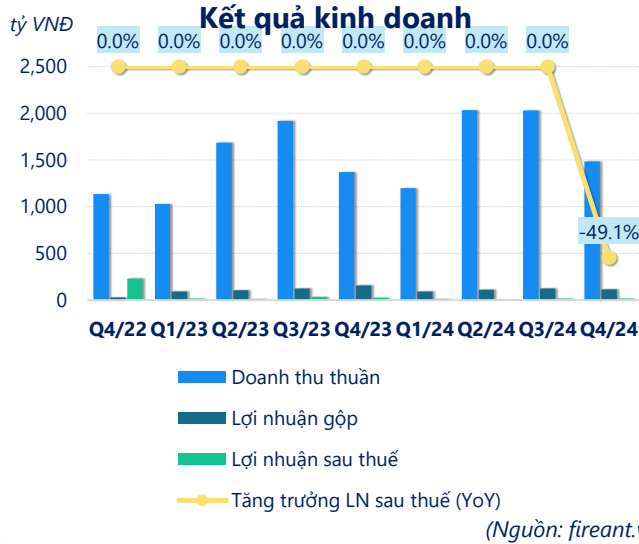
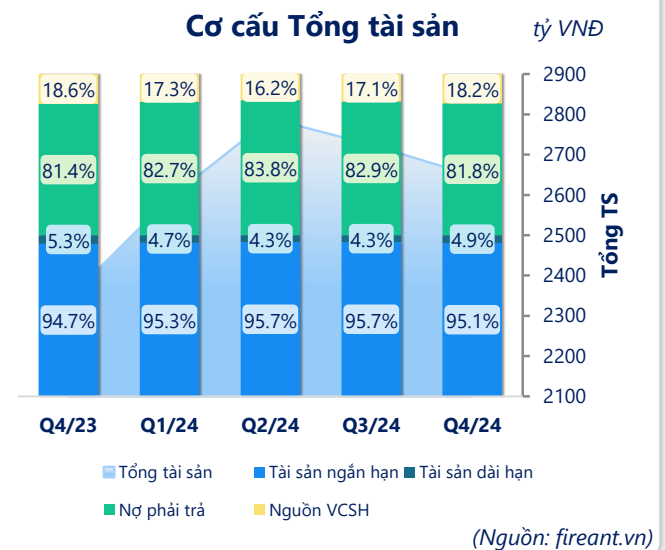
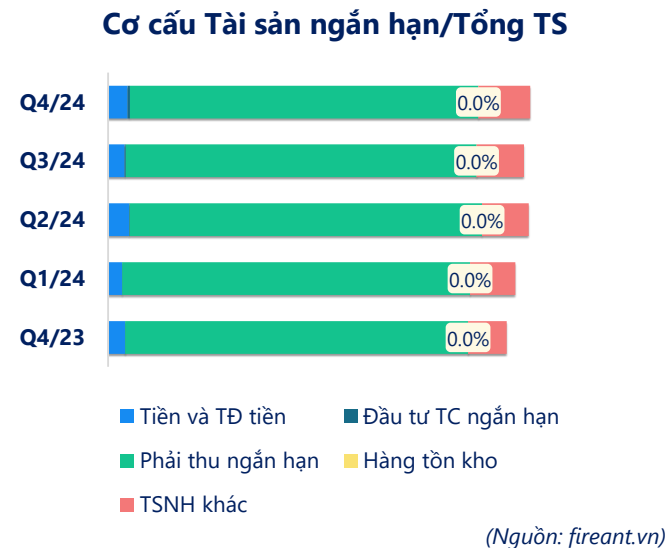
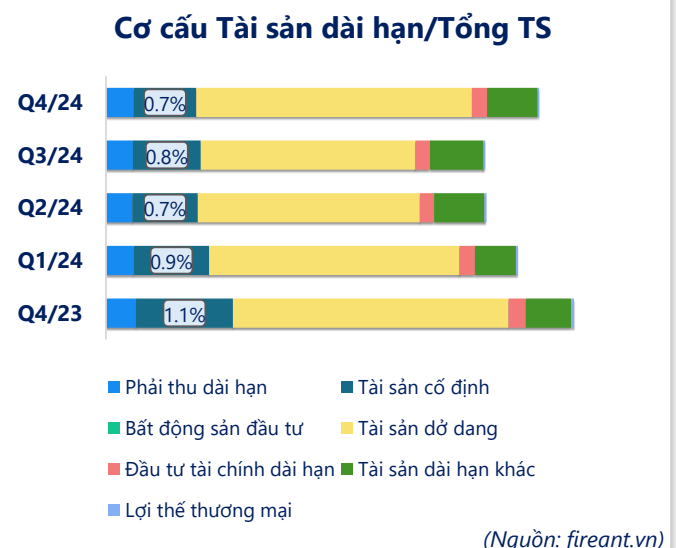
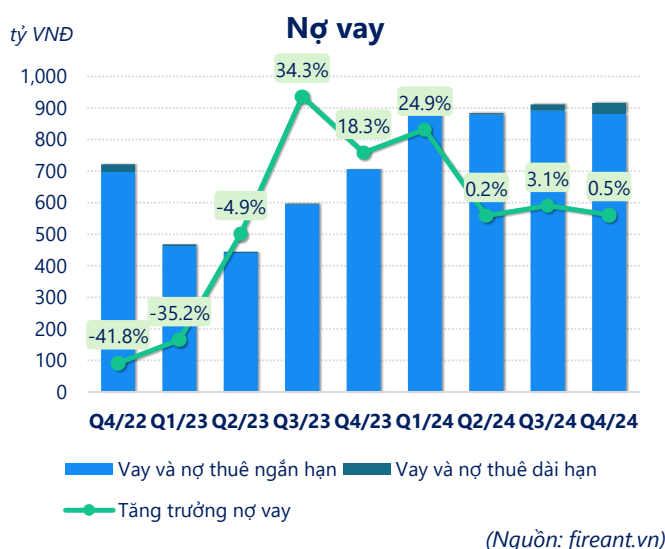
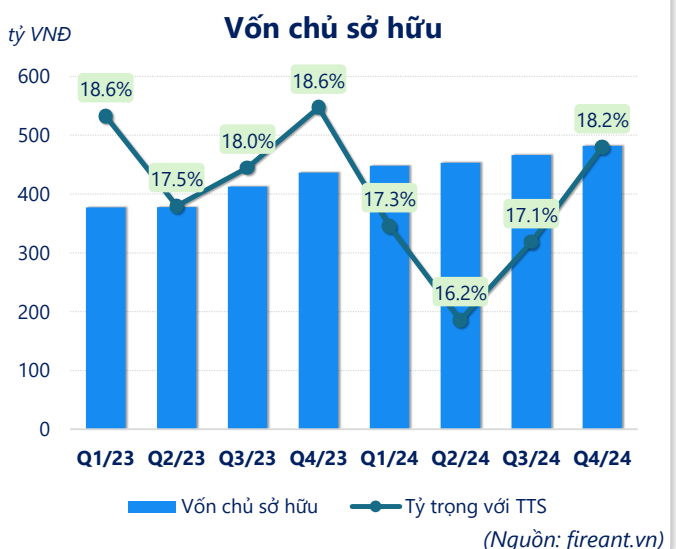
YoY: ▼32.9 | -41.2%

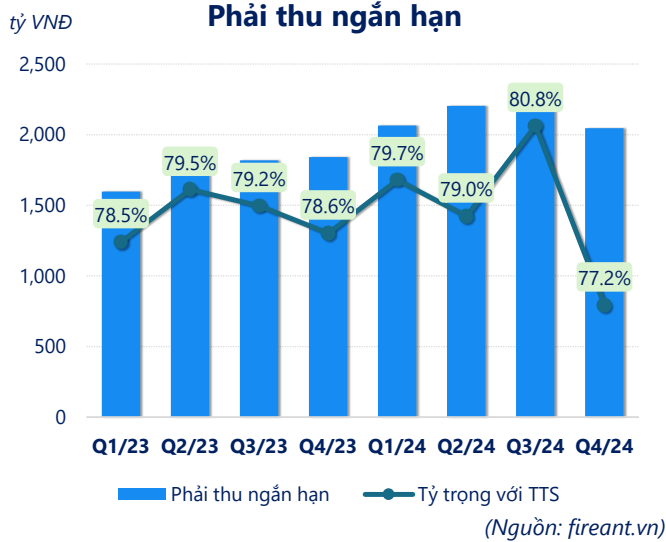
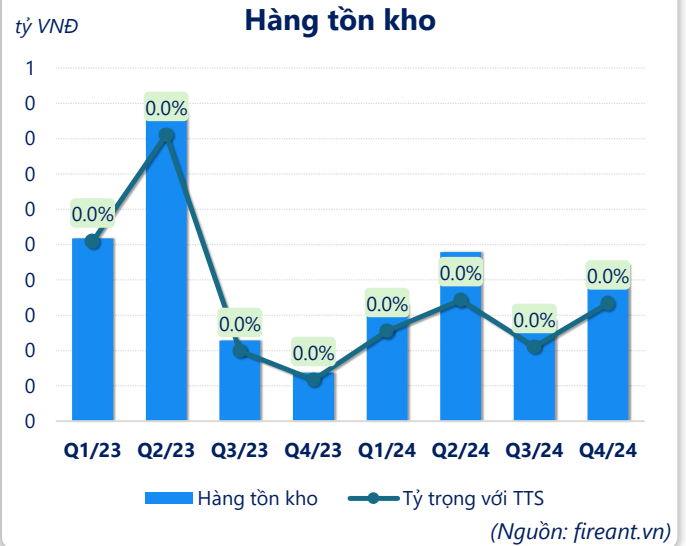
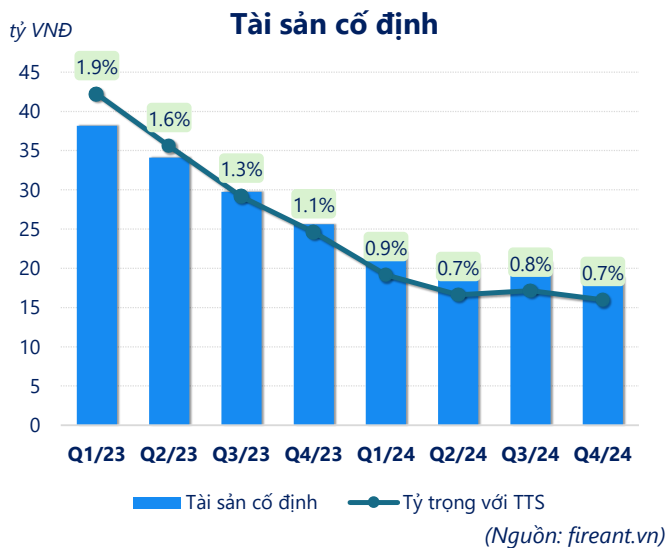
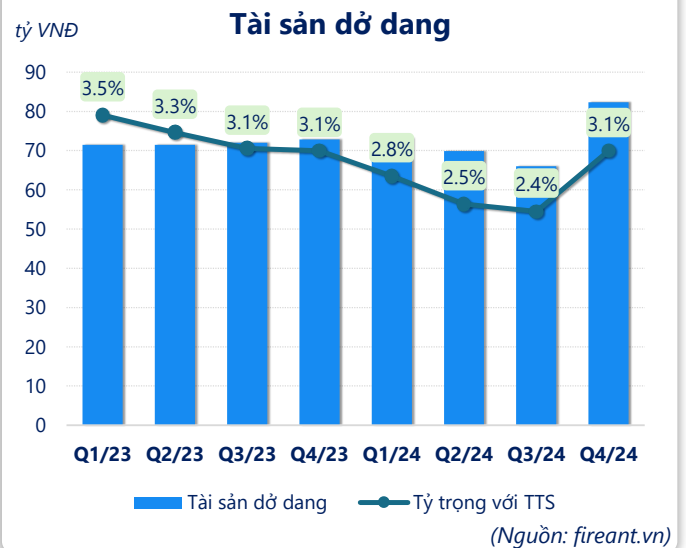
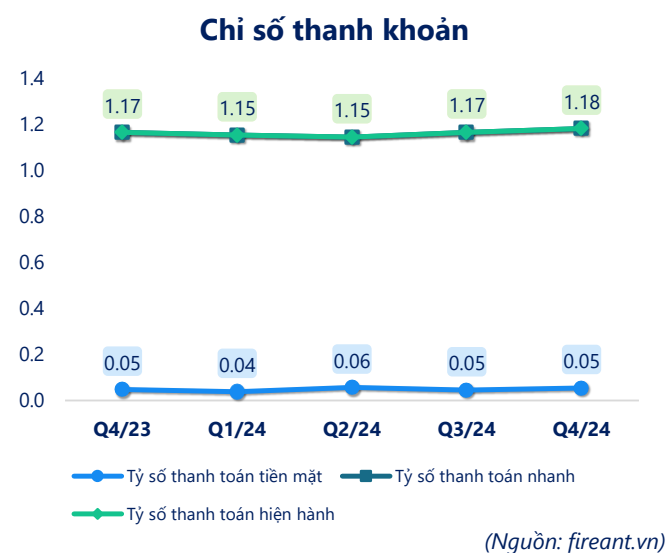
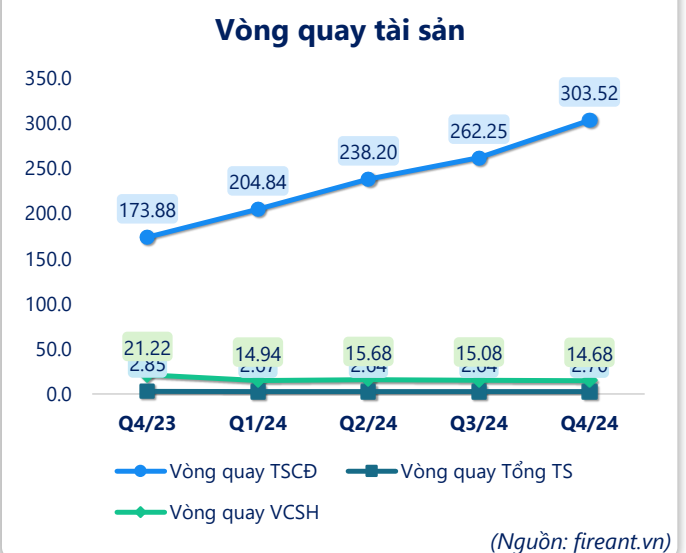
ROE

2024

10.4%

+/- YoY: ▼ 18.6%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,342	2,591	2,789	2,724	2,649
Tài sản ngắn hạn	2,218	2,470	2,670	2,608	2,519
Tiền và tương đương tiền	90.5	81.7	133	101	117
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.1	13.9	13.9	13.9	15.5
Phải thu ngắn hạn	1,842	2,065	2,203	2,201	2,045
Hàng tồn kho	0.07	0.17	0.24	0.14	0.22
Tài sản ngắn hạn khác	274	310	320	292	341
Tài sản dài hạn	124	120	120	117	130
Phải thu dài hạn	7.93	8.12	8.27	8.32	8.22
Tài sản cố định	25.6	22.1	20.6	20.8	18.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	72.8	73.1	69.9	66.0	82.3
Đầu tư tài chính dài hạn	4.51	4.51	4.51	4.51	4.51
Tài sản dài hạn khác	12.1	12.0	15.9	16.5	15.2
Lợi thế thương mại	0.72	0.66	0.60	0.54	0.48
Nợ phải trả	1,905	2,142	2,336	2,258	2,167
Nợ ngắn hạn	1,903	2,141	2,331	2,237	2,131
Vay và nợ thuê ngắn hạn	705	881	880	891	881
Phải trả người bán ngắn hạn	590	491	712	754	695
Nợ dài hạn	1.72	1.06	4.95	21.2	36.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.66	0	3.89	20.1	34.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	437	448	453	466	482
Vốn chủ sở hữu	437	448	453	466	482
Vốn điều lệ	293	293	292	292	292
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)